

Bản án số: 36/2023/DS-PT
Ngày: 31/7/2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Bà Trịnh Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Tân- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLPT-DS ngày 11/01/2023, về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện MĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2023/QĐ-PT ngày 06/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2023/QĐ-PT ngày 29/3/2023; Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số 216/TB-TA ngày 19/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐ-PT ngày 22/5/2023; Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số 335/TB-TA ngày 14/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2023/QĐ-PT ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn x, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Lê Xuân Th, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn PT, xã ĐH, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Lê K, sinh năm 1927 (chết ngày 03/5/2023).

- Ông Lê Văn C, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Thôn PT, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê K:

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn x, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1966.

+ Ông Lê Văn C, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Thôn PT, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ủy ban nhân dân huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc L1 - Chủ tịch UBND huyện MĐ.

Địa chỉ trụ sở: Thị trấn MĐ, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Th1 - Chủ tịch UBND xã ĐT.

Địa chỉ trụ sở: Thôn LNB, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/4/2021, các lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Văn T trình bày:

Ông là người có quyền sử dụng thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11, có diện tích 1.269m² tọa lạc tại thôn PT, xã ĐT, huyện MĐ. Thửa đất này có nguồn gốc là của ông bà nội ông để lại cho cha mẹ ông là cụ ông Lê K và cụ bà Nguyễn Thị T1. Ngày 13/4/2018 ông được nhận chuyển quyền sử dụng thửa đất nói trên (hiện nay đã được chỉnh lý trang IV). Thửa đất trên được UBND huyện MĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/10/2005, số vào sổ H.03349, có giới cận như sau: Phía Đông: Giáp đất của bà Nguyễn Thị R và ông Lê Tấn A; phía Tây: Giáp con mương nhỏ và đường đi chung; phía Nam giáp đường bê tông - Sông Thoa; phía Bắc giáp đất ông Lê M. Ngày 29/6/2015 UBND huyện MĐ thu hồi 98,2m² nên diện tích còn lại của thửa đất là 1.170,8m². Cạnh phía Tây thửa đất của ông giáp con mương rộng khoảng 60cm, tiếp đến là đường đi kéo dài từ bờ Sông Thoa nối với đường chính trong xóm, có chiều dài khoảng 60m và chiều rộng khoảng 1m⁶; con đường và con mương có từ trước năm 1975. Tháng 4/2019 ông Lê Xuân Th tự ý làm đường bê tông có lán qua đất của ông 7m². Nay ông yêu cầu ông Th tháo dỡ toàn bộ công trình mà ông Th đã xây dựng trên thửa đất 192, tờ bản đồ số 11 xã ĐT, khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại 7m² đất cho ông. Phần đất tranh chấp có giới cận: Đông giáp thửa đất 192 của ông; Tây giáp đường đi chung; Nam giáp đường đi - Sông Thoa và Bắc giáp đất ông Lê M.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản ông T tự nguyện chịu.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Xuân Th trình bày:

Tháng 4/2018 ông có làm đường bê tông như ông T trình bày trên, khi làm đường ông không báo chính quyền địa phương nhưng có nhiều người dân biết và chứng kiến, trong đó có ông T, ông T có ra cấm mốc cho thợ làm, không tranh chấp gì. Hiện nay đất của ông T được nhà nước công nhận diện tích tăng hơn đăng ký 299/TTg là 119m² nên ngày 10/9/2021 ông Th có ý kiến yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD 010454, số vào sổ H.03349 do UBND huyện MĐ cấp cho cụ ông Lê K, cụ bà Nguyễn Thị T1 vào ngày 18/10/2005 tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 xã ĐT, diện tích 1.269m² nhưng nay ông xin rút yêu cầu trên vì thấy không cần thiết. Nay, ông T khởi kiện ông làm đường bê tông lấn vào đất của ông T 7m² là không đúng vì ông đổ bê tông trên nền đường đi cũ, không lấn sang phần đất của ông T như ông T khởi kiện, hiện trạng con đường rồi đến con mương vẫn còn, vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/02/2022 ông Lê Xuân Th tự nguyện chịu.

Theo văn bản số 38/UBND - NC, ngày 15/8/2022 UBND xã ĐT là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Vào ngày 03/02/2020, UBND xã ĐT nhận được đơn khiếu nại về việc lấn chiếm đất của ông Lê Văn T. Sau khi nhận đơn UBND xã đã tiến hành kiểm tra hiện trường, xác minh để giải quyết và qua xác minh đối với một số hộ dân sống gần thửa đất cho biết về con đường đi nằm phía Tây thửa đất của ông Lê Văn T đang sử dụng đã có từ trước năm 1975, bên cạnh con đường đi còn có con mương nước; đến năm 2018 ông Lê Xuân Th tự bỏ tiền ra để làm đường đi bằng bê tông trên nền đường cũ, không có lấn chiếm qua đất của ông Lê Văn T. Tuy nhiên trong bản đồ địa chính lập năm 2004 và trên sơ đồ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2005 của ông Lê Văn T (ông T nhận thừa kế năm 2018 của Cụ ông Lê K và cụ bà Nguyễn Thị T1) thể hiện là một con đường thẳng và không có con mương nhưng thực tế hiện trạng là có một con đường đi có độ cong và bên cạnh còn có con mương thoát nước; đồng thời qua làm việc với một số hộ dân sống lân cận đều cho rằng con đường đi và con mương thoát nước từ trước đến nay vẫn như vậy không có thay đổi, khi ông Th làm đường chỉ làm trên nền đường cũ, không xâm phạm đến đất mương thủy dẫn nước cũng như đất của ông Lê Văn T, mặc dù sơ đồ thể hiện con đường thẳng nhưng quá trình quản lý của địa phương từ trước cho đến khi ông Lê Văn T có đơn, không có ai phải ánh, kiến nghị, kể cả vợ chồng cụ ông Lê K cũng không có phản ánh, khiếu kiện gì đến khi ông Th làm đường bằng bê tông. Khi làm đường ông Th không báo cáo với địa phương nhưng việc làm của ông Th hợp lòng dân và khi đổ bê tông, ông Th đổ trên nền đường cũ đã có sẵn từ trước và không có lấp mương, mức mương vì theo hiện trạng hiện nay con mương vẫn còn rõ ràng là con mương cũ nên việc ông T cho là ông Th làm đường rồi mức lại con mương như hiện trạng là không đúng....Hơn nữa, thửa đất của cụ Lê K về diện tích được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 tăng 119m² so với diện tích được cấp giấy chứng nhận năm 1991 nhưng ông T không chứng minh được về diện tích đất tăng. Về việc này UBND xã đã có Tờ trình số: 65/TTr-UBND, ngày 19/5/2020 về việc xem xét thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn T, ở xã Đức Tân, huyện MĐ (ông T nhận thừa kế của cụ Lê K vào năm 2018) gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện MĐ nhưng Phòng Tài nguyên và Môi trường đã giao trả lại hồ sơ vì cho rằng căn cứ theo điểm d, khoản 2, điều 106 Luật đất đai và khoản 5, điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ đất đã qua thực hiện thừa kế thì không thu hồi được. Từ đó, UBND xã ĐT khẳng định ông Th làm đường bê tông trên nền đường đi liên xóm do địa phương quản lý không lấn chiếm đất của ông T như ông T khiếu nại, đề nghị Tòa án đối chiếu với quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Theo văn bản số 1339/UBND - NC, ngày 28/9/2021 và văn bản số 1822/UBND - NC, ngày 28/12/2021 UBND huyện MĐ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Thửa đất 192, tờ bản đồ số 11 xã ĐT (bản đồ đo vẽ năm 2004) nguyên trước đây thuộc thửa đất số 559, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299/TTg) có nguồn gốc thuộc quyền quản lý sử dụng của cụ Lê K kê khai đăng ký; năm 1991 cụ Lê K được UBND huyện MĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.150m² và được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD 010454, số vào sổ H.03349 do UBND huyện MĐ cấp cho cụ ông Lê K, cụ bà Nguyễn Thị T1 vào ngày 18/10/2005 tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 xã ĐT, diện tích 1.269m² tăng 119m² (1.269m² - 1.150m²) so với hồ sơ kê khai theo Chỉ thị 299/TTg và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1991. Năm 2018 cụ K thừa kế lại toàn bộ thửa đất trên cho con trai là ông Lê Văn T, đã được chỉnh lý biến động trang IV vào ngày 13/4/2018. Việc ông Lê Xuân Th yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD 010454, số vào sổ H.03349 do UBND huyện MĐ cấp cho vợ chồng cụ Lê K vào ngày 18/10/2005 tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 xã ĐT, diện tích 1.269m². Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ ông Lê K, ông Lê Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cụ K, ông C không có ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện MĐ đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T về việc: Buộc ông Lê Xuân Th phải tháo dỡ toàn bộ công trình mà ông đã xây dựng trên thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại thôn PT, xã ĐT, huyện MĐ; khôi phục lại hiện trạng ban đầu và trả lại cho ông phần diện tích đất mà ông Th đã lấn chiếm là 7m²; phần đất có giới cận: phía Đông giáp thửa đất số 192 của ông; phía Tây giáp đường đi chung; phía Nam giáp đường đi Sông Thoa và phía Bắc giáp đường bê tông.

2. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.000.000đ và chi phí cho việc đo vẽ là 3.000.000đ; ông Lê Văn T tự nguyện chịu, ông T đã nộp và chi phí xong.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/02/2022 số tiền 1.500.000đ ông Th tự nguyện chịu, ông Th đã nộp và chi phí xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2022, ông Lê Văn T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm số 14/2022/DS-ST, ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện MĐ, buộc ông Lê Xuân Th phải tháo dỡ toàn bộ công trình mà ông Th đã tự ý xây dựng trên thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi và khôi phục tình trạng ban đầu, trả lại cho ông phần diện tích đất lấn chiếm là 7m².

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa, các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như đại diện Ủy ban nhân dân huyện MĐ, đại diện Ủy ban nhân dân xã ĐT, bà Lê Thị L, ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Lê Văn T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về kháng cáo: Ngày 26/9/2022 Tòa án nhân dân huyện MĐ xét xử và tuyên án. Ngày 03/10/2022 ông Lê Văn T có đơn kháng cáo. Về thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đơn kháng cáo của ông Lê Văn T là hợp lệ.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện MĐ và UBND xã ĐT, bà Lê Thị L, ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Thửa đất 192, tờ bản đồ số 11 xã ĐT (bản đồ đo vẽ năm 2004) nguyên trước đây thuộc thửa đất số 559, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299/TTg) có nguồn gốc thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Lê K kê khai đăng ký; năm

1991 cụ K được UBND huyện MĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.150m^2 và được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AD 010454, sổ vào sổ H.03349 do UBND huyện MĐ cấp cho cụ ông Lê K, cụ bà Nguyễn Thị T1 vào ngày 18/10/2005 tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 xã ĐT, diện tích 1.269m^2 .

Ngày 07/4/2016 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên được chỉnh lý thu hồi $98,2\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác theo Quyết định số 283/QĐ - UBND ngày 29/6/2015 của UBND huyện MĐ; diện tích còn lại là $1.170,8\text{m}^2$.

Năm 2018, ông Lê Văn T nhận thừa kế quyền sử dụng đất tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được UBND xã ĐT chứng thực số 10, quyền 01 ngày 31/01/2018. Ngày 13/4/2018, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh huyện MĐ chỉnh lý trang 4 giấy chứng nhận sang tên ông Lê Văn T.

[2.2] Tại Công văn số 1231/UBND-NC ngày 10/9/2021 của UBND huyện MĐ xác định (bút lục 85): Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 (bản đồ 2004), diện tích 1.269m^2 , tăng 119m^2 ($1269\text{m}^2 - 1150\text{m}^2$) so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1991, phần diện tích tăng ông Lê K không có giấy tờ chứng minh. Theo báo cáo của UBND xã ĐT cho biết diện tích tăng là do cấp bao trùm mương thoát nước ở phía Tây và phía Đông của thửa 192 vào chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê K. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê K vào ngày 18/10/2005 tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 (bản đồ 2004), diện tích 1.269m^2 là không đúng diện tích so với kê khai theo Chỉ thị 299/TTg và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1991.

Theo bản đồ địa chính (bản đồ 299/TTg và bản đồ năm 2004) của xã ĐT thể hiện phía Tây thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 (bản đồ 2004) giáp với đường đi (nhưng thực tế giáp mương thoát nước).

[2.3] Tại biên bản làm việc ngày 29/7/2021 (bút lục 103), ngày 16/5/2022 (bút lục 169) UBND xã ĐT xác định: Vào tháng 02/2020, UBND xã ĐT nhận được đơn khiếu nại của ông Lê Văn T về việc lấn chiếm đất, UBND xã ĐT đã tiến hành kiểm tra hiện trường, xác minh đối với một số hộ dân sống gần thửa đất cho biết con đường đi nằm phía Tây thửa đất của ông T đang sử dụng đã có từ trước năm 1975, bên cạnh con đường đi còn có con mương nước, đến năm 2018 ông Lê Xuân Th tự bỏ tiền ra để làm đường đi bằng bê tông trên nền đường cũ, không có lấn chiếm đất của ông Lê Văn T. Tuy nhiên, trong bản đồ địa chính lập năm 2004 và trên sơ đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 cho ông Lê K thể hiện một con đường thẳng và không có con mương nước nhưng thực tế hiện trạng là có một con đường đi có độ cong và bên cạnh còn có con mương thoát nước. Khi ông Lê Xuân Th làm đường bê tông chỉ làm trên nền đường đi cũ, không xâm phạm đến mương thủy lợi dẫn nước cũng như đất của ông Lê Văn T. Tuy việc ông Th tự bỏ tiền ra làm đường bê tông không báo cáo với chính quyền địa phương, nhưng việc làm của ông Th là hợp lòng dân, và việc làm đường bê tông của ông Th trên nền đường cũ đã có sẵn từ trước. Khi làm đường ông Th không lấp mương nước, hiện nay con mương phía

Đông đường bê tông (phía Tây thửa đất ông T đang sử dụng) vẫn còn. UBND xã ĐT khẳng định việc ông Th làm đường bê tông trên nền đường đi liên xóm do địa phương quản lý, không lấn chiếm đất của ông T.

[2.4] Tại biên bản làm việc ngày 19/8/2021 (bút lục 48), các ông bà Nguyễn Văn Ch, Trần Như S, Lê Trung Q, Lý Nữ Ngọc D, Võ B, Nguyễn Thị Minh Kh, Đỗ Thị L2 xác định: Con đường đi liên xóm do ông Lê Xuân Th đổ bê tông có từ những năm 1945, phía Đông con đường có một con mương dùng để lấy nước tưới tiêu cho các hộ dân ở đó và để thoát nước mùa mưa. Chúng tôi không biết cụ thể trên giấy tờ con đường này rộng bao nhiêu mét nhưng thực tế chiều rộng con đường khoảng 02 mét đến 2,2 mét. Con mương nằm phía Đông con đường này rộng 0,5 mét. Thực tế ông Th làm đường bê tông hẹp hơn đường đi cũ, hiện trạng con mương phía Đông con đường đi giáp với đất ông Lê Văn T vẫn còn nguyên như cũ. Khi ông Th đổ bê tông làm đường trên nền đường đi cũ, không lấn sang con mương và hiện trạng con mương cũ vẫn còn nguyên ngay phần đất ông T đang tranh chấp. Hiện trạng đường mương kéo dài từ bên trong (phía Bắc) kéo ra hướng Sông Thoa.

[2.5] Tại giấy xác nhận ngày 08/9/2021 (bút lục 48) ông Hồ Văn Th2, ông Lê Văn Th3 và ông Võ Xuân Q1 xác nhận: Khoảng tháng 4/2018 ông Lê Xuân Th có nhờ các ông đổ bê tông tuyến đường tại khu dân cư số 1 ĐT. Điểm xuất phát từ bờ kè Sông Thoa kéo ra đến điểm cuối vườn ông Lê T1 (cha ông Th) khoản 50m, đổ bê tông trên nền đường có sẵn từ trước, bên cạnh con đường là con mương có sẵn. Trong thời gian làm đường không có sự cản trở nào của chính quyền địa phương và bà con lối xóm. Quá trình thi công có ông Lê Văn T đứng coi.

Từ những chứng cứ trên có căn cứ xác định: Phía Tây thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 (bản đồ 2004) của ông Lê Văn T đang quản lý, sử dụng giáp với mương nước và con đường đi liên xóm có từ trước năm 1975, con đường đi này thể hiện trên bản đồ qua các thời kỳ (bản đồ 299/TTg và bản đồ năm 2004). Năm 2018 ông Lê Xuân Th làm đường bê tông trên nền đường cũ, không lấn sang mương nước phía Đông của con đường và không lấn sang phần diện tích đất của ông Lê Văn T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật. Các nội dung nêu trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm là những nội dung ông Lê Văn T đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Tại cấp phúc thẩm, ông Lê Văn T không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho việc kháng cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện MĐ.

[2.6] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông Lê Văn T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thu thập chứng cứ: Thửa đất của ông Lê T1 (cha ông Lê Văn T) nguyên trước đây là thửa đất số 587, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299/TTg) có diện tích 1.020m², nay biến động thành thửa 182, tờ bản đồ số 11 xã ĐT (bản đồ 2004) diện tích 1.488m², tăng 468m² là một trong những cơ

sở làm căn cứ xác minh trong vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập đến phần diện tích đất tăng này. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ở giai đoạn sơ thẩm ông T không tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Lê T1 thửa 182, tờ bản đồ số 11 xã ĐT (bản đồ 2004). Ông T chỉ yêu cầu ông Th tháo dỡ toàn bộ công trình mà ông Th đã xây dựng trên thửa đất 192, tờ bản đồ số 11 xã ĐT, khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại 7m² đất cho ông. Phần đất tranh chấp có giới cận: Đông giáp thửa đất 192 của ông; Tây giáp đường đi chung; Nam giáp đường đi - Sông Thoa và Bắc giáp đất ông Lê M.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện đó. Mặt khác, theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị.

Do đó, việc ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm thu thập các chứng cứ trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, ông Lê Văn T có đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ phần diện tích đất đang tranh chấp. Ông T đã nộp tạm ứng 2.000.000đ. Do kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu số tiền này (đã nộp và chi phí xong).

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Lê Văn T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện MĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 156, 157, 164, 165, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105, điểm b khoản 1 Điều 107, Điều 166 và Điều 168 Bộ luật dân sự; khoản 5, khoản 7 Điều 166 Luật đất đai 2013; các Điều 6, 12, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T về việc: Buộc ông Lê Xuân Th phải tháo dỡ toàn bộ công trình mà ông đã

xây dựng trên thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại thôn PT, xã ĐT, huyện MĐ; khôi phục lại hiện trạng ban đầu và trả lại cho ông phần diện tích đất mà ông Th đã lấn chiếm là 7m²; phần đất có giới cận: Phía đông giáp thửa đất số 192 của ông; phía Tây giáp đường đi chung; phía Nam giáp đường đi Sông Thoa và phía Bắc giáp đường bê tông.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.000.000đ và chi phí cho việc đo vẽ là 3.000.000đ; ông Lê Văn T tự nguyện chịu (ông T đã nộp và chi phí xong).

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/02/2022 số tiền 1.500.000đ ông Th tự nguyện chịu (ông Th đã nộp và chi phí xong).

Ông T phải chịu đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/4/2023 số tiền 2.000.000đ (đã nộp và chi phí xong).

3. Về án phí: Ông Lê Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện MĐ;
- Chi cục THADS huyện MĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng